TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 31 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thế Băng.
- Ông Lê Văn Thưởng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Văn T là hàng xóm quen biết nhau nên từ năm 2009 đến năm 2013 nên bà H có tham gia 04 dây hụi trị giá 1.000.000 đồng/phần và 01 dây hụi trị giá 5.000.000 đồng/phần do bà làm chủ hụi, đây là các dây hụi mùa (03 tháng khui một lần theo mùa lúa). Tổng cộng 05 dây hụi trên bà H đã hốt hụi và đóng hụi chết đến năm 2015 bà H còn nợ bà số tiền hụi chết là 65.000.000 đồng thì bà H ngừng đóng. Bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn

Thị H và ông Ngô Văn T trả số tiền nợ hụi còn lại là 65.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 01-2017 đến tháng 12-2021 là 76.700.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 01-3-2022 và biên bản hòa giải ngày 01-3-2022, bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà chỉ yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông Ngô Văn T liên đới với bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi trên cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nợ lãi tạm tính là từ tháng 01-2017 đến tháng 12/2021 với số tiền là 76.700.000. Bà S yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi.

**** Tại tờ tự khai đề ngày 01-3-2022 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà có tham gia 05 dây hụi từ năm 2009 do bà Nguyễn Thị thu S làm chủ hụi. Bà đã hốt hết 05 dây hụi trên và đã đóng hụi chết lại cho bà S đến năm 2017 bà và bà S tổng kết lại thì bà còn nợ bà S số tiền hụi là 65.000.000 đồng, từ năm 2017 bà tiếp tục đóng hụi chết cho bà S được số tiền là 39.000.000 đồng. Tính đến nay, bà còn nợ lại bà S số tiền hụi là 26.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà S, bà H đồng ý trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) cho bà S, yêu cầu không trả lãi, nhưng hiện nay điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn nên không có khả năng trả số nợ trên cho bà S, bà xin được trả dần mỗi tháng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trả đến khi hết số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân

Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Từ thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án xác định ông Ngô Văn T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ nên ông Ngô Văn T không còn liên quan trong vụ án. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà S là quyền quyết định và tự định đoạt của bà, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T trả số tiền hụi là 65.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 76.700.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và rút lại phần yêu cầu về tiền lãi. Theo đó, bà S chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), bà rút lại yêu cầu đối với bà H về việc trả số tiền lãi là 76.700.000 đồng, bà H không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà S. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà S là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[4] Về nội dung vụ án: Bà S yêu cầu bà H trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà S không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ bà S cung cấp là bản phô tô đã đối chiếu đúng bản chính các giấy hụi.

Bà H thống nhất thừa nhận còn nợ bà S số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) và các giấy hụi do bà S cung cấp là đúng, bà đồng ý trả số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) cho bà S, nhưng hiện nay do điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn nên không có khả năng trả số nợ trên cho bà S, bà xin được trả dần mỗi tháng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trả đến khi hết số nợ trên; yêu cầu này của bà H không được bà S đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Về lãi suất: Bà S không yêu cầu tính, bà H không tranh chấp về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S và bị đơn bà Nguyễn Thị H đã thống nhất được với nhau về số tiền hụi còn nợ là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) nhưng chưa thống nhất được với nhau về phương thức và thời gian trả. Bà S nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà H vẫn không trả số tiền hụi trên cho bà S, nay bà S tiếp tục xin trả dần số nợ trên là kéo dài thời gian trả nợ; điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà S. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền hụi còn nợ là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 30, Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ngày 23-3-2022 bà H có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án với lý do bà là Người cao tuổi, có điều kiện kinh tế khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận cho bà. Xét thấy, đề nghị này của bà H là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận, bà Hoa được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 30, Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền hụi là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền lãi tạm tính là 76.700.000 đồng (bảy mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 3.543.000 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002922 ngày 13-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà S, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi